

NĂM THỨ NĂM SỐ 104 ĐUỐC ĐE 1<sup>er</sup> et 15 Mars 1939

PHẬT-GIÁO HỘI  
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUÊ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1<sup>er</sup> VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán-Sứ N 73 Richaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng Quốc  
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo  
Quản-ly : Cung-dinh-Bính

Quản chủ-bút : Phan-chứng-Thứ  
Sư cụ chùa Bằng-ở  
Phó chủ bút : Dương-vân-Hiền  
Sư cụ chùa Tê-Chí

**GIÁ BÁO :** Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

## CAI CHINH

Bài Vô-lý pháp (Abhidharma) đang trong Đuốc-Tuệ  
số 100, 1er Janvier 1939, có mấy chỗ in sai như sau này :

Trang 8 giòng 25 : Nếu biết rằng cái chính là

Nếu biết rằng

» 8 » 32 : Ai trong Pháp thấy, cái chính là :

Ai trông thấy

» 10 » 13 : thuyết trình, cái chính là : thuyết trình

» 12 » 30 : đồng sức, cái chính là : đồng đức

» 14 » 11 : thấy được, cái chính là : thấu được

» 14 » 16 : ác đạo, cái chính là : sát đạo

» 15 » 21 : cái quả nhân, cái chính là : cái nhân

» 15 » 27 : nhân nhỏ đó biến đi, cái chính là :

nhân nhỏ đã biến đi

» 15 » 30 : cái nhân quả đời, quả khứ,...

cái chính là : cái nhân đời quả khứ

» 15 » 31 : một nghĩa định, cái chính là :

một nghĩa chính định

» 15 » 34 : nhờ nói việc làm ấy chẳng có

nguyên nhân, cái chính là : nhờ

nói việc làm. Họ cho nhờ nói việc

làm ấy chẳng có nguyên nhân.

» 16 » 9 : này kết quả, cái chính là :

này có kết quả.

» 16 » 16-17 : tụng kinh này, thấy rõ được...

cái chính là : tụng kinh này lắm. Vì

học kinh này có thể thấy rõ được.

» 17 » 4 : một vấn ấy có, cái chính là :

một vấn lại có

» 17 » 31 : nhưng duy chỉ có người,

cái chính là : nhưng mà chứng ngộ

được lẽ ấy, thì duy chỉ có người.

## Đã là người tin đạo Phật phải quyết liệt bỏ vàng mã

Với việc bỏ vàng mã trong hội Phật giáo ta ngày nay không phải là cái thời kỳ lý-luận nữa rồi.

Nó chính là cái thời kỳ quyết-liệt thực-hành rồi. Vì bấy lâu nay, Đuốc-tuệ liên tiếp luận bàn về sự bỏ vàng mã, cái căn nguyên giả dối của nó, cái tệ-hại quan-hệ của nó, cho đến những người thực-hành bước trước bỏ vàng mã, Đuốc-tuệ giải bày đã nhiều rồi.

Người quân tử ở đời, hơn người thường là có cái tinh mãnh-lĩnh. Mãnh-lĩnh nghĩa là lĩnh thức một cách rất mạnh mẽ. Là đã lĩnh ngộ ra mà biết việc gì mình làm là có lỗi, là trái với chân-lý, mà trước kia mình vì si mê, vì theo tục mà không biết là lỗi, là trái. Nay bằng cứ vào chân-lý mình đã lĩnh thức ra, biết là sự lỗi là sự trái lẽ, thì quá quyết-đời mới ngay cái việc làm ấy đi, trừ bỏ cái hủ-tục ấy đi, đời mới cho mình mà cũng đời mới cho kẻ khác. Nếu đã lĩnh mà lại còn cứ làm thì sao là lĩnh thức, sao là quân-tử.

Ấy thế mà hôm đầu năm vừa rồi, tôi nhân đến mừng tuổi một ông giáo hữu, thấy trên bàn thờ tổ nhà ông có hai cây vàng giấy ngoài có gián hoa màu sắc sỡ, Ông giáo hữu này lại là người thiếu-niên tân-học, tôi liền hỏi :

« — Thế ra ông không cho sự bỏ vàng mã là phải hay sao ?

Ông nhòa một nụ cười tươi tỉnh mà giả lời tôi rằng :  
— Phải lắm chứ !

— Đã biết sự bỏ vàng mã là phải sao ông lại còn dùng lễ thờ tổ tiên ?

Tôi hỏi lại thế thì ông lại tươi cười cho sự thờ cúng là việc tầm thường không can hệ mà đáp :

Ấy những việc thờ cúng trong nhà tôi, phần nhiều lạ ở đàn bà, tôi không hay đề ý đến.

— Thờ cúng là một việc thuộc về văn hóa. Thờ cúng tổ tiên là một đạo giáo về nhân sinh. Ông là người có tâm tri thức, là người tin đạo Phật Thánh, đạo Phật lấy chính-giác làm trọng, đạo Thánh lấy tri-tri làm trọng. Ông lại có cái tư tưởng cái cách mọi cái hủ tục xã-hội, sao ông không tự đổi mới ngay từ trong nhà mình trước đi?

— Khốn lắm Như nhà (vợ) tôi thì còn bảo được. chứ bà cụ (mẹ) tôi thì các cụ cổ hay cổ-tráp lắm. Hễ cụ tôi qui Phật rồi thì tôi sẽ bỏ cái tục đốt vàng-mã ở trong nhà được ngay.

Nghe ông nói câu ấy tôi liền đáp :

— Xin lỗi ông, như thế là ông chưa nhận chân cái tục đốt vàng-mã là hủ bại và tệ hại, Nếu ông mà nhận chân được thì ông sẽ trừ bỏ nó ngay được và ông sẽ thi hành một cách mà các cụ phải vui lòng.

Đạo Phật lấy sự khuyển dẫn cho cha mẹ hiểu đạo là hiểu lớn. Các cụ cổ thì ở nhà ai cũng thế. Các Cụ nhà tôi cũng không khác gì các cụ nhà ông, Các cụ sở dĩ theo tục là vì Các Cụ chữa lĩnh ngộ cũng như ta lúc chưa tỉnh ngộ đó thôi. Nếu ông chịu đem cái nghĩa vàng mã là giả dối vô lý, trái với đạo Phật như ở trong Đuốc-tuệ đã nói mà thời thường nói cho cho các Cụ và cả vợ con trong nhà đều hiểu thì tất các Cụ sẽ vui lòng mà cho ông bỏ tục ấy đi.

Nay ông tin đạo Phật mà lại cứ đốt vàng mã là cái tục hủ bại với đạo chính giác của Phật, thế là Ông không thực tin đạo Phật. Đem tục hủ bại để thờ tổ tiên thế là không thành tâm cung-kính tổ-tiên. Biết nó là hủ-bại mà không khuyển giải cho đấng tôn-thần mình cũng biết thì chừaphải là hiểu thực. Chính năm nọ khi mẹ tôi còn sống-thời, tôi cũng khuyển giải và bỏ hẳn tục vàng mã Trước mẹ tôi không nghe, sau rồi cũng bằng lòng. Mấy lời bực tức vì đạo cũng vì bạn, xin ông miễn thứ.

Ông ban tôi mừng rõ quả quyết nói :

— Vàng xin theo lời Tiên-sinh. Tôi sẽ đem những bài nói về bỏ vàng mã trong Đuốc-tuệ nói đề cụ tôi và cả nhà tôi nghe. Thế n' từ đây tôi cũng phải bỏ tục vàng mã

D. N. T.

## VĂN UYÊN

### BÀI CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Muôn hoa đua nở chào xuân,  
 Mừng năm « Kỷ-Mão » muôn phần tốt tươi.  
 Anh em họp mặt vui cười,  
 Chúc nhau gọi có mấy lời thiết tha ;  
 Cùng trong Đệ-tứ Phật-Gia,  
 Một lòng « hữu ái » mới là « tương-thân ».  
 Cổ công xây đắp nền nhân,  
 Tu tâm, xử linh, « từ-án » báo đền.  
 Một lòng tin Phật vững bền,  
 Bề trên sóng gió chẳng phỉn muộn chi.  
 Đường đời thẳng bước ta đi,  
 Kiên tâm quả quyết, việc gì chẳng nên.  
 Bảo nhau gây lấy thiện duyên,  
 Làm lành ắt hẳn tự-nhiên gặp lành.  
 Cuộc đời man-mác lợi danh,  
 Thoảng qua rồi lại tan tành như không.  
 Giữ sao giá sạch danh trong,  
 Dầu muốn nghìn kiếp cũng không mất nào.  
 Khác « phạm » ở chốn « Thanh-cao »,  
 Tránh nơi ô-trọc, bước vào đường ngay.  
 Chúc cho Giáo-hữu từ nay,  
 Càng tăng tuổi thọ, càng say đạo màu ;  
 Công-trình tu đạo bấy lâu,  
 Nương nhờ Phật-Tổ ơn sâu khôn lường.  
 Một năm thêm một bước đường,  
 Ngày càng tinh tiến, gia thường đình-ninh.

Chúng ta hợp đạo đồng-linh,  
 Cúi xin Đức Phật chứng minh lòng thành.  
 Rõ ràng « Đuốc-Tuệ » quang minh,  
 « A-di-đà Phật », đồng thanh lay mừng.

Vũ-Ngọc-Lâm phụng soạn

### VỊNH ĐỨC PHẬT DI ĐÀ

✕ Phương Tây có Phật hiệu Di-đà  
 Cứu vớt sinh linh khỏi kiếp ma.  
 Đón khách phúc duyên dò bảo phiệt,  
 Che người thiện quả vật cà-sa.  
 Hoa sen chín phẩm hương thơm ngát,  
 Lầu ngọc mười tầng ánh sáng xa,  
 Cực lạc yên vui là thể thể,  
 Chân thành ngài sẽ độ sang qua.

Lê Toại

### CHÙA GIẢI OAN

✕ Rừng rộng bao la núi khắp hàng,  
 Cửa từ đây cũng chốn hành hương.  
 Tiếng chuông cứu-khở đưa chiều gió,  
 Dọt nước tùy duyên tưới khắp hang.  
 Kinh kệ sớm gây mùi pháp-bảo,  
 Cỏ hoa chiếu dội bóng tà dương.  
 Tránh niềm ai chẳng « Nam mô Phật »  
 Ngâm cảnh bao nhiêu cảnh lại càng.

### HANG TỬ THỨC

✕ Trời đất đùa chơi khéo thủ thềm,  
 Động sáu lơ vương xiết bao linh.  
 Đường vào trăm góc hang quanh-quất  
 Cửa bước muôn thang đá gập-ghềnh.  
 Chén rượu quẩn tiên say lĩnh gác,  
 Nước cờ hóa vật xóa bày quanh,  
 Ba mươi sáu động, đây là nhất,  
 duyên nợ thương ai lại góm mình.

Nhân-vân Đình

## Đạo Phật rất cần cho văn - đề kinh-tế ngày nay

Ngày nay, loài người trên mặt đất, các nước đông-tây càng thấy khốn đốn về vấn đề kinh tế Cái nạn kinh tế khủng hoảng vì xuất sản nhiều, tiêu thụ ít, hóa vật đình trệ, công tư thất nghiệp vừa mới thư thư được mấy tháng, thì nay lại cái nạn kinh tế khủng-bổ về dự phòng chiến tranh.

Muốn giữ toàn đất nước cuộc dự phòng chiến tranh phải tương đương với địch quốc, vì thế mà các quốc-gia phải tăng gia mãi thuế má vào nhân dân, nhân dân phải chịu thêm mãi gánh nặng. Quốc-khố tổn hao, dân sinh tiều tụy, chưa biết 'hẽ nào là cùng. Ấy là chưa nói đến lúc có chiến tranh th

Nhất là nhân dân ở quốc độ Việt-nam này, vì bị xa chân lối bước trên con đường tiến hóa đầy số mà cái thâm trạng kinh tế của quần chúng càng thấy khốc hại. Đã không biết và không có thể biết được những cách sinh sản mới, thì phương diện vật chất bị điều tàn dã cố nhiên. Mà giáo hóa giải tán, cái lòng tương cảm tương trợ của quần chúng cũng sút kém mãi đi. Kể khốn cùng không nơi nương tựa, người phủ túc càng vị-kỳ và xa-hoa. Như thế tình trạng cuộc kinh tế của quần chúng xứ ta, không nói ai cũng rõ.

Nay muốn cứu vớt cái tình trạng trên ấy trông muốn một, lời quả quyết chỉ có đạo Phật là cần.

Nói thế tất có người hỏi vặn rằng : Đạo Phật chỉ trọng-có tinh thần mà khinh miệt hết thảy vật chất, tức như « thuyết duy tâm » vậy. Thì đạo Phật có quan hệ gì với kinh tế.

Tôi xin trả lời rằng : Cho đạo Phật như thế là làm là chưa hiểu thấu đến chỗ căn bản của đạo Phật mà

chỉ cầu traps ở chỗ chi diệp mà thôi. Không xem bài kệ của Lục-lồ đầy ư : « **Phật-pháp không lia với cái biết của thế-gian. Lia thế-gian mà cầu đạo, như đi tìm xừng con thỏ** ». Vì rằng chúng sinh là loài phải sống phải còn. Nếu với sự sống đã không đầy đủ, còn làm nên việc gì. Muốn tu muốn học nhưng bụng đói cái rét thì tu sao học sao cho được. Muốn làm việc công đức nhưng tự thân đói rách, nằm không yên, đi không vững, thì còn cứu giúp được ai. Thế cho nên muốn cho chúng sinh theo về điều thiện, trước phải mong cho chúng sinh được ấm no. Sở dĩ đạo Bồ-tát phải cần quyền học tập mọi việc kỹ xảo của thế gian để làm lợi ích cho chúng sinh là thế. Ngạn ngữ ta có câu « **No nên bụt, đói nên ma** », nghĩa là Phật với ma khác nhau chỉ do ở no với đói mà ra. Lời ấy thực là bực trực mà thiết đáng. Còn cái thuyết « **duy tâm** » là cái thuyết đề luận về nghĩa nguyên bản của đạo. Như đem tâm mà so với vạn vật thì chỉ có tâm là thực là thường, còn vạn vật đều là giả là vô thường cả. Thì phải lo giữ lấy tâm là hơn. Chứ có phải bả chúng sinh vất bỏ cả mọi cái cần thiết về sự sinh sống đi mà một giữ lấy tâm đâu.

Vậy nay muốn biết thế nào là đạo Phật rất cần cho cuộc kinh tế ngày nay, trước hết ta phải hiểu rõ cái nghĩa chính của thuyết kinh-tế là gì.

Nghĩa chính của hai chữ kinh tế ngày nay, giải thuyết tuy phiên mà bất ngoại là « **sinh tài và tiết dụng** ».

Sinh tài là làm ra của cho nhiều, tiết dụng là tiêu dùng có chừng mực. Tức như đạo nho sách Đại-học nói « **Sinh chi giả chúng, thực chi giả quả, vi chi giả tật, dụng chi giả thư** », nghĩa là số sinh ra phải nhiều, số ăn đi phải ít, số làm ra phải tróng, số dùng đi phải khoan, cho nên nhà kinh tế ngày nay cũng cốt phải cần nhắc trong hai cái khoản « **Xuất với nhập** » mà thôi. Thế mà, với hai nghĩa ấy, trong kinh Phật thực



vấn khản khoản dạy khuyên cho chúng sinh rất là châu đáo.

**Với nghĩa sinh tài.** -- Sinh phải sao cho tài sinh ra được nhiều và trong thì trước hết phải giữ đức cần mà bỏ thói lười biếng. Trong kinh Thiện-sinh, Phật nói về sáu cái hại của sự lười biếng rằng: Một là kẻ giàu có sung sướng không chịu làm việc, hai là nghèo khổ khốn cùng không chịu siêng năng, ba là mùa rét chẳng chịu làm, bốn là mùa bực chẳng chịu làm, năm là lúc sớm chẳng chăm làm, sáu là lúc muộn chẳng chăm làm. Thế là sáu cái hại về lười biếng »

Hại về lười biếng tức là hại cho sự sinh-tài, là hại cho cuộc kinh tế. Do một nhà ra một nước, dù có phương pháp sinh tài hay ho đến đâu mà lười biếng cũng hỏng, mà dù vụng về đi nữa nhưng chịu khó làm cũng giàu có được.

**Với nghĩa tiết dụng.** Không những trong kinh Thiện-sinh, Phật đã dạy cho người ta nên tránh xa những thói cờ đấm bạc đỉnh, những thói rượu chè lam lũ, những thói hoa nguyệt hoang toàng, mà chính Phật tự bỏ cao sang vinh hoa, lấy thanh đạm làm thú vị của đạo, và tự mình thực hành để làm khuôn phép cho đồ đệ. Cho nên đạo Phật chỉ lấy đạo đức làm quý, lấy công nghiệp làm trọng, mà khinh thường hết mọi cái xa-hoa hào nháng bề ngoài. Xa chốn cao lương, gấm vóc mà ưa mùi trày nhạt, vải gái, đó là một đức rất cao thượng của đạo Phật. Đạo Phật thực là một cái tiêu chuẩn về đức kiệm ước của xã hội.

Người ta ở đời là một cái nghiệp, cái nghiệp phải phấn-đấu với sự sống cho tới cùng. Nếu ai ai cũng biết siêng năng để làm ra của, lại biết tiết dụng để tiêu dùng cho có chừng mực, thì sự sống của mình lẽ nào không được phần thắng, ít ra cũng được no đủ, lũ giặc

đôi rách kia lẽ nào không phải trốn xa. Cuộc kinh tế của xã-hội nhờ đó mà cứu vãn.

Khách lại hỏi : Cần với kiệm cố nhiên là hai đức rất cần cho sự sống còn của loài người. Cờ kim đồng tây, các bậc giác-thế dậy bảo đã nhiều, một gì đạo Phật. Và cái thuyết cần kiệm ở nước này ngày nay chỉ cần cho phần số ít người có chút sản nghiệp trở lên mà thôi, còn phần số đông thì, nào cái nạn ruộng hẹp người nhiều, nào cái họa tiêu khổ thủy潦 và vào cái ách đóng góp nặng nề, người ta đang ngoi ngóp trong cái bề khổ việc không có mà làm, cơm không đủ mà ăn, thì còn cần vào đâu và kiệm vào đâu cho được ?

Tôi nói : vẫn biết các bậc giác-thế đồng tây cờ kim vẫn dạy khuyên người đời về hai cái đức cần kiệm. Song với phổ thông xã hội thì cách dạy khuyên của đạo Phật là rất cần. Vì đạo Phật là một tôn giáo cao thượng, tôn giáo thực hành hai đức cần kiệm đã thành ra giáo điều, thành ra phong thú. Miếng cao lương phong lưu nhưng lợm, mùi hoắc lê thanh đạm mà ngon. Phạm kẻ lìn mộ đạo Phật cách chân chính đều xử được như thế cả. Lấy sức lìn ngưỡng cao thượng mà thực hành cờ động đức cần kiệm thì sự biến hóa nhân tâm phong tục sẽ mạnh biết bao, phổ cập cho quần chúng biết bao.

Lại nữa. Đạo Phật cho vinh hoa làm bọt bóng mà lấy công đức làm vĩnh viễn. Dậy cho người ta biết cần cho có của, lại dậy cho người ta biết kiệm cho của hằng có. Kiệm là không đam mê tục-vị cho đến vong gia bại sản, để đồng tiền mà làm việc có ích cho đời, chứ không phải kiệm là bo-bo làm thần giữ của. Đạo Phật lấy thực hành lễ độ làm mục đích. Người ta có lễ độ được cho kẻ khác mới có công duyên phúc quả. Thế cho nên trong kinh Phật chuyên chú về chỗ giảng dạy cho những phú ông, trưởng giả tán gia tài ra mà làm

việc cứu độ cho mọi kẻ nghèo khó, hoạn nạn, mà để phúc về sau, thậm chí như câu chuyện Phật hóa làm núi thịt cho dân đói đến sảo lấy mà ăn. Thân còn cho sảo nữa là tài sản há còn-tiết chi. Như vậy muốn mở cái két bạc của những nhà phú hào để tạo phúc cho xã-hội một cách vui lòng phi đạo Phật không làm được.

Người ta do cần kiệm mà có của, do có của mà cứu vớt kẻ khác. Nhà giàu được phúc nhà khó được việc làm cơm ăn. Giàu nghèo san sẻ, giúp đỡ lẫn nhau, bấy giờ ruộng hẹp người nhiều tự có lẽn đề di dân khẩn hoang và mở mang kỹ nghệ, Tiền kho thủy-lạo tự có tiền để khai cống đắp đê, mà người đã biết giúp nhau thì sự lạm bỗ lạm thu cũng giảm. Tinh thần phả độ của đạo Phật dù chưa thực hành được ở trên quốc chính nhưng cảm hóa được phái phú-hóa, cũng cứu vãn cho cuộc kinh-tế xã-hội được phần lớn.

Bởi vậy cho nên tôi nói đạo Phật rất cần cho vấn đề kinh tế ngày nay là thế.

Ng Tr. Thuật

## Nhà Phật-học nước Mỹ nói về đạo Phật Trung-quốc

(tiếp theo và hết)

XXXV! -- Tì-lu-giá-na Phật 毘盧遮那佛

Trong các vị Phật, Bồ-lát ở trong Mật-lông thờ-phụng, có một vị rất thích-hợp với cái lòng su hướng của người Tàu là đức Phật Tì-lu-giá-na (Vairochana), tức là Đức Đại-nhật Như-lai. Vị Phật này thích hợp với cái tâm lý về chủ nghĩa tự nhiên và sùng bái ngôi Thái-dương của người Tàu. Vị trí của Đức Phật Tì-lu-giá-na ở trong Mật-lông đứng trên cả Đức Phật A-di-đà. Rõ rõ một

ngôi thủ tọa của Chư Phật, thủ ấn của Ngài là bàn tay bên nọ nắm lấy ngón tay trở bên kia để biểu thị rằng có thể cùng đồng hòa với thế giới. Cái tư tưởng ấy, người Tàu cũng càng dễ hiểu nhận. Vì các phái duy-tâm chủ-nghĩa của Phật-giáo truyền đến Tàu từ trước đã huấn luyện cho người Tàu có cái tâm lý ấy sẵn rồi.

Đức Phật Ti-lư-giá-na không những là một vị ở trong Chư Phật, pháp thân Ngài ở khắp hết toàn thể cõi vật-chất, cho đến một hạt bụi nhỏ mờ cũng là bởi thể tính ấy mà tạo thành ra. Bởi đó mà toàn thế-giới thành ra một cuộc có cơ thể sinh hoạt, tùy từng nơi mà biểu-hiệu ra những sinh cơ và khiến cho các cái phần-tử trong đó đều được đạt tới chốn tự-giác thật viên-mãn vậy.

#### XXXVII. — Các vị Phật, Bồ tát khác

Các chùa cũng hay thờ Đức Phật Dược-sư, 藥師 (Bhai-sajjaraya). Đức Phật này cũng như Đức Phật Ti-lư-giá-na là một vị Phật về pháp thân (Dhyani Budha). Ngài có đầy đủ bản-nguyện cứu giúp cho chúng sinh thoát mọi điều thống khổ và không bị xa-đọa vào những ác-hú. Trong các chùa tùng lâm lớn ở bên Tàu trên thượng điện có thờ ba pho tượng Phật rất lớn thì một pho là tượng Đức Dược-sư. Trong nhiều danh-hiệu Đức Thích-ca có một hiệu là Đại Y-vương 大醫王. Vậy Dược-sư cũng tức là một vua thầy thuốc chữa bệnh tinh-thần và bệnh thể-xác. Ngài thường hiện thân làm vị Tâu-dầu-lư 資頭盧 (Binzuru), Người Nhật-bản thường khắc tượng Ngài bằng gỗ để thờ. Hết thấy những người lễ bái họ cứ xoa vào tượng có khi lấy bệnh truyền-nhiễm cho nhau.

Lại còn nhiều những vị Pháp thân Bồ-tát (Dhyani-Bodhisattvas) như các vị Kim-cương-thủ (Vajrapani) biểu thị về uy lực, vị Địa-tạng (Kshitiigarbha) hóa độ cho cõi âm phủ, vị Bất-động Minh-vương (Achala) hàng

phục những ác-pháp, vị Ái-nhiễm Minh-vương (Aizen) thương yêu khắp quần chúng. Trong các vị ấy có vị Địa-tạng Bồ-tát là vị điều phục được nơi Địa-ngục và bảo hộ cho trẻ con hợp với lòng cần cầu của công chúng nên nhiều người sùng bái hơn. Nhà mỹ thuật trong đạo Phật hay vẽ bức tranh khi Ngài Địa-tạng giáng lâm xuống âm-phủ mà lũ trẻ con đến súm quanh để hoan nghinh Ngài, ở Nhật-bản trong cái khám thờ Ngài Địa-tạng, người ta thường đem những áo quần của những đứa trẻ nhỏ đã mất rồi treo ở bên tượng ngài để cầu Ngài phù hộ cho, trông thấy những cái áo quần ấy ai cũng phải động lòng thương hại. Tôi có tàng trữ được một cái khám nhỏ là thờ đồ thờ ở trong nhà. Trong khám có hình những <sup>1</sup>2 nhỏ con cỡi chuồng súm nhau lại mùa nháy, tranh nhau đem hoa cúng Ngài Địa-tạng. Thực là một cái chứng cứ về sự khéo léo của nhà mỹ-thuật trong Phật.

Trên ấy là những vị Phật, Bồ-tát mà thế tục thờ cúng đến nhiều lắm. Nhất là phái phụ nữ lại càng sùng phụng nhiều, dường như không thể thiếu được. Phái Mật-tông cung cấp cho sự nhu cầu của dân chúng như thế thực là xứng hợp. Hơn một nghìn hai trăm năm nay, đạo Phật sở dĩ được dân chúng tín ngưỡng rất thịnh, phái Mật-tông thực có công lớn.

### XXXVIII. -- Đà-la-ni và nghi quỹ

Đà-la-ni (Dharani — thần chú) của Mật-tông dấu che tàng cũng không hiểu ra nghĩa gì, nhưng chỉ vì càng không hiểu nên dân chúng lại càng tín ngưỡng. Là vì dân chúng hay thích những sự thần bí. Khi Mật-tông mới truyền vào nước Tàu được chính phủ trọng đãi lắm. Vua ban tờ chiếu cho Ngài Bất-không kịp vẽ Thiên-chúng lấy những kinh-điển chữ Phạm và tập làm những phép nghi quỹ. 5 năm Ngài Bất-không mới trở lại nước Tàu đem sang được rất nhiều kinh-điển. Trong các phép nghi-quỹ có một phép bày đàn thí thực để siêu độ cho

vong linh và một phép làm lễ quán đĩnh cho tín đồ là bắt chước lễ quán-đĩnh của Thái-tử Ấn-độ khi chính-vị thụ-phong Lại có phép hàng-phục ma quỷ, phép Hộ ma (Homa) hỏa cúng và nhiều phép lật vật cúng tế của phái Phệ đà đời xưa. Những cái đó đều thích-hợp với sự nhu cầu của dân chúng Trung-quốc, rồi người ta lại phụ thêm những cái văn vẽ của bản-quốc vào mà đặt thêm ra nhiều thứ thần chú, Thế rồi người ta lại thi thào riêng với nhau rằng Phật Di-lặc sắp dâng thế cuộc đời sẽ đổi thay cả, vì thế mà chính phủ sinh ngờ bèn hạ lệnh cấm không cho làm lễ truyền phép nữa (Thuyết Di-lặc dâng thế là một thuyết không có căn cứ gì, trong Mật-tông không có trọng thuyết ấy. Việc hạ lệnh cấm lúc ấy là vì cơ khác. Người ta nói Thánh nhân đã xa đời, lòng người hay đổi giá, sợ rằng nếu không được người thực hay mà làm lễ truyền phép ấy sẽ thành có hại cho đạo nên chính phủ mới cấm đi.

Song tuy có lệnh cấm mà những phép của Mật-tông lại càng thịnh-thành. Tuy về sau thế lực của Mật-tông đã in sâu vào trong não của lãng chúng rồi. Ngày nay trong những đền thờ của phái Lạt-ma (Lama) ở miền bắc Trung-quốc, người ta vẫn còn nghe thấy những tiếng đọc chú và tụng niệm, đó tuy là do ở Mông-cổ, Tây-tạng đem vào, nhưng coi đó còn có thể tìm thấy cái di-phong của phái Mật tông vậy.

### XXXIX. — Phái chân ngôn tông Lưu-hành sang Nhật bản

Về thế-kỷ thứ 9 (Hồi gần cuối đời Đường). Mật-tông thịnh hành ở đất Tràng-an, những tông đồ trong phái đại-loại đều giữ được giới-luật cách cần-thận để phần chẵn làm việc đạo, khiến cho đạo Phật phát đạt đến dân chúng. Mật-tông bấy giờ khác hẳn với khi đã bại hoại về sau. Lúc ấy có nhà sư Nhật-bản là Không-hải (Kuhai, tức là Hoảng-pháp Đại-sư) sang lưu học ở đất Tràng-an

3 năm, theo học một vị đệ-tử của Bất-không; lập phép Mật-tông rồi đem về truyền bá cho trong nước. (Không-hải sang Tàu vào hồi vua Hoàn-yū-đế Nhật bản, niên-hiệu Duyên-licb năm thứ 23 và Đức-tông nhà Đường bên Tàu niên hiệu Trinh-nguyên thứ 20; học ở chùa Thanh long đất Trảng-an. thầy dạy là Huệ-quả A-đồ-lê tức là đệ-tử của Bất-không) Không-hải lập ra phái Chân-ngôn lưu truyền mãi không dứt nay ở núi Cao-giá-sơn còn tìm thấy tông-phong.

#### XXXX Bài luận thập trụ tâm 十住心

Ngài không-hải có cái thiên-tư rất cao. nghiên cứu rất kỹ về cả Tam-giáo là Nho, Đạo, Thích. Người lại dụng lực về đạo chân ngôn mật giáo Người lấy bộ Tỳ-lư-già-na thành Phật kinh (Mahavairochana Sambodhi Sutra) tức là « Đại nhật kinh » làm một bộ kinh rất hệ-trọng cho phái Chân ngôn. Người đã sở đắc ở bộ kinh này nhiều lắm, nên Người mới dựa theo giáo-nghĩa ở đấy mà làm ra bài « thập trụ tâm luận », lấy cả những nghĩa của các giáo thể gian, xuất thế-gian mà giải thích phê phán cho bài luận ấy, gọi là cách « thụ đích giáo phán 豎的教判 », là ý Người cốt để tuyên truyền phái Chân-ngôn-tông. Nhưng ta đem những giáo nghĩa ấy mà so sánh nghiên cứu với các phái Phật-giáo khác cũng có ích nhiều. Vậy lược thuật ra sau này :

1. Cái tâm dè xồm 異生羶羊心 Dị sinh đệ-dương tâm cái tâm con dè dục đã sinh được ba tuổi. Tâm này chỉ về những kẻ không tin có nhân quả, không phân gì việc thiện với việc ác, chỉ ngốc nghếch như con dè xồm.
2. Cái tâm trĩ trai của đứa trẻ ngu 愚童持齋心. Tâm này chỉ về những kẻ tu ngũ-giới của đạo Phật và ngũ thường của đạo Nho.
3. Cái tâm vô úy của đứa trẻ thơ 嬰孺無畏心. Tâm này chỉ về những kẻ tu thập thiện của liễu-thừa Phật giáo và những kẻ cầu sinh thiên của ngoại-đạo.

4. Cái tâm duy uẩn vô ngã 維 慈 無 我 心. Tâm này chỉ về bậc Thanh văn thừa trong phái Tiểu thừa.

5. Cái tâm bạt nghiệp nhân chủng 拔 業 因 種 心. Tâm này chỉ về bậc Duyên giác thừa trong phái Tiểu thừa.

6. Cái tâm tha duyên đại thừa 他 緣 大 乘 心. Tâm này hàm nhiếp phái Pháp-tướng-tông.

7. Cái tâm giác tâm bất sinh 覺 心 不 生 心. Tâm này hàm nhiếp phái Tam-luận-tông.

8. Cái tâm nhất đạo vô vi 一 道 無 爲 心. Tâm này hàm nhiếp phái Thiên thai tông.

9. Cái tâm cực vô tự tính 極 無 自 性 心. Tâm này hàm nhiếp phái Hoa nghiêm tông.

10. Cái tâm bí mật trang nghiêm 秘 密 莊 嚴 心. Tâm này hàm nhiếp phái Chân ngôn tông.

Ý Ngài Không - hải cho chín cái trụ tâm trên chỉ đủ để trừ vọng khứ hoặc mà thôi. Phải tới cái trụ-lâm thứ mười thì mới vén được mây mờ trông thấy giảng thanh mà chân như hiển hiện cho tới chính mình thành Phật. Đó là cái thuyết biện hộ cho phái của mình rất có đặc sắc. Như Ngài Không hải thực là một nhà tư tưởng có thống-hệ.

#### XXXXI. - Mạn đồ la

Lại nữa, Ngài Không-hải lại là một nhà Đại mỹ thuật, vì phái Chân-ngôn lấy sự vẽ tranh tạc tượng để giáo-hóa. Cứ xem như trong hai bộ tranh Mạn-đồ-la (Mandaras - Đán cúng) thì biết chỗ tinh tâm sảo-từ kết cấu khéo léo của Ngài Không-hải là dường nào, cứ trong sách Cương yếu thì hai bộ tranh đán cúng là cổ truyền do Huệ quả Hòa-hượng sai thợ khéo vẽ cho Hoằng-pháp Đại-sư. Một bộ là Kim-cương giới Mạn-đồ-la, lấy nghĩa là ngọc kim cương không bao giờ hủy hoại và rạch vào đâu cũng vỡ. Một là bộ thai-tạng-giới Mạn đồ la lấy nghĩa là thai dạng sinh ra hết thấy mọi chủng tử.



Kim cương là biểu hiệu cho phần « trí », Thái tạng là biểu hiệu cho phần « lý ». Lấy « trí » để cai trị « lý » lấy « lý » để hiền dưỡng « trí », thì mới tự-giác giác-tha được. Lại Kim cương giới là biểu thị cái thái-độ đầy đủ phần bản hữu. Thế mà đều lấy tranh vẽ để tỏ bày ra được. Phép đem giáo lý ngu vào trong mê thuật ấy thực là khiến cho người ta nhận chỗ ngón tay đang trở mà trông thấy mặt giếng. Vì rằng pháp thân đức Tỳ Lư già na tuy siêu việt ra ngoài cả lời nói ý nghĩ của loài người nhưng quanh khắp cõi pháp giới đều là thể tính của Ngài. Vậy kẻ tu hành chỉ nên nương theo trong phép nghi-quĩ, tay cầm ấn quyết, miệng niệm chân ngôn, tâm giữ phép quan tưởng, cho phép tam-mật tương ứng với nhau, thì mới cùng pháp-giới cùng chu lưu do nơi dấu tích mà tìm thấy cõi gốc được.

#### XXXXII - Hiện trạng của Phật giáo Trung quốc

Phật-giáo ở các nơi trong nước Tàu hiện nay, tuy hiện ra có nhiều tình trạng suy đồi, nhưng cái lực-lượng vĩ đại của Phật giáo đã gây dựng ra cuộc văn minh cho một dân tộc lớn lao ấy, thực có cái quan-hệ rất mật thiết. Khiến cho văn-hóa Trung quốc tiến lên phần ưu tú mà tạo thành ra cuộc văn minh về tính cách hòa bình và dân trị như ngày nay là bởi Phật giáo giúp cho. Thế mà gần đây Phật giáo ở các nơi trong nước không phải là không có cái trũng triệu chấn hưng. 40 năm trước đây, phái sĩ-phu trong nước cho văn tự trong sách Phật là tru mê vô cùng, nên họ đã chuyển đem nhỡa quang mà chú ý vào sách Phật. Năm Tây lịch 1893 (Năm quang tự 19 nhà Thanh) có một vị cư sĩ Phật giáo ở Tích lan đến hô hào cảnh tỉnh cho tăng giới Trung quốc rất là tận lực, dường như một Ngài Đạt ma tái lai. Lại cách đây độ 20 năm, các nơi ở Ninh ba Hàng châu, việc tu tạo lại chùa chiền rất hoạt động. Từ đời dân quốc đến nay, những người học thức đã giác ngộ đều quy y đạo Phật cho được yên vui với sự ninh tĩnh. Trong thành Thường

châu có một lần đến nghìn người cùng làm việc. Cách huấn luyện tăng chúng cũng thấy cải lương dần dần và cũng có nhiều người tinh tiến hành trì lắm. Còn như những cư-sĩ tại-gia mà nghiên cứu để tìm chân-lý đạo Phật cũng ngày càng thấy nhiều. Những chỗ thông cũ ở các thành thị lớn thường có hiệu bán sách Phật từ 500 đến 1000 bộ trở lên. Về báo chí thì như báo « Tân-Phật-hóa » của phái thanh-niên chí-sĩ tổ chức ra để kháng nghị với những nước về chủ nghĩa xâm-lược dựa vào đạo khác, và cũng đề chỉ-trích những cái bại hoại ở trong giáo hội mình mà nó trái với giáo nghĩa của bản-giáo.

Mới đây nước Nhật-bản ra sức làm cho thế lực của Phật-giáo hiện-dương lên, để làm một vật quốc-tế liên hợp của dân tộc Á-châu. Cho nên năm 1918 (Dân-quốc nân thứ 7) người Nhật cử-hành cuộc « Đại Phật-giáo vận-động » ở Đông-kinh. Những người học-thức ở Trung-quốc hiểu cái ý ấy họ cũng lập ra « Phật-giáo tổng-hội » ở Bắc-kinh để đối lập. Một loạt những thanh-niên chính trị gia biết lo sâu nghĩ xa họ đang trông mong vào Phật giáo để đắp lại cái nền-móng dân-trị mới. Xét về đại-thể thì Phật-giáo Trung-quốc ngày nay đã có những việc ứng phó với sự nhu yếu của thời đại mới, như là thay đổi phục sức. Các hội nghiên-cứu triết học và diễn giảng cho dân-chúng đều lo về phương diện Phật-hóa phổ cập.

Các hội Phật-giáo cũng bắt chước lối các giáo sĩ, cũng làm những việc phát chẩn, trừu đau, thuyết-pháp trong nhà pha, nuôi người tàn tật v.v. Những việc đó đều đã lần-lượt cử-hành thực là từ bi hi-xã, thi cả pháp cả tài để thực hành việc cốt-yếu của nhà tông giáo chân chính.

Nói tóm lại một lời là từ nay về sau, đạo Phật càng tăng thêm lực lượng để cố gắng hiển cho dân chúng Trung quốc.

Nhất-siêu cư sĩ dịch ra chữ Hán đến đây là hết, ông có chua mấy lời về cách ông lựa thêm ở đoạn khác trong nguyên bản chữ Anh mà thành bản dịch như trên ấy. Ông nói :

Nguyên sách của ông Tuyên-đại-nhĩ-ty phân thứ-tự nói về Phật-giáo các nước, trong một thiên nói về Phật giáo Trung-quốc, thuật đến các phái như Tam-luận, Pháp-tướng, Hoa-nghiêm, Mật-tông v. v. đều nói lược quá mà chính nhiều thuyết của các phái ấy thì lại nói tản-mát ở trong những thiên về Phật-giáo của Nhật-bản, Ấn-độ, Nên tôi trích lấy những thuyết ấy mà bỏ vào thiên này và cứ theo thứ tự của thiên này mà dịch ra. Chỗ nào ông Tuyên dẫn lời trong kinh-luận mà không đúng lắm thì tôi sửa lại, Lại thỉnh thoảng tôi cũng lấy ý riêng mà tiêu-chú cho rõ thêm. Như thế là lược đủ các tông-phái của Phật-giáo Trung-quốc. Bài này kết cấu rất là chỉnh-lẽ, gọi là « sách tiêu-sử Phật-giáo Trung-quốc » cũng được, mà gọi là « sách toát-yếu về phả-thông sách Phật » cũng được. Chỉ hiềm dịch-giả đây (lời nhà dịch chữ Hán) học thức còn kém, sợ có chỗ sai lầm. Và đem những sách của nhà học-giả Tây-phương bàn về đạo Phật mà dịch ra là một việc rất mới, nếu dịch sai một tí là thành lời hí-luận ngay. Vì vậy tôi có đem sách « Thập-tông lược thuyết » của Dương-nhân-Son Thiên-sinh phụ lục vào sau đây để đọc giả xem thêm, có chỗ nào sai lầm, xin phủ chính cho.

Đồ-nam-Tử

## MUỐN ĐẠT ĐẾN MỤC ĐÍCH

### THẾ - GIỚI ĐẠI - ĐỒNG

*cần phải rõ ba cái nguyên-nhân*

*bất - bình - đẳng*

(tiếp theo và hết)

Thì còn ai đâu mà lợi hại, đặc thất, không lợi hại đặc thất, thì tức nhiên không có sự xung đột xảy ra, không có những sự xung-đột quyết nhiên không có những mầm chiến-tranh nữa, không có những sự chiến tranh, thì đâu

còn những sự mạnh được yếu thua, tương sanh tương sát, đã không có tương sanh tương sát, thì đâu còn những cảnh trạng huyết lệ thương tâm thành sâu bể thâm nữa; được như vậy thì lo gì thế giới cạnh tranh xấu xé, giai cấp bất bình thống khổ này, không trở lại thành một thế giới hòa bình an lạc, lo gì nhân-loại không đặng bình-đẳng. Coi đó thì biết xưa nay khổ với vui cũng đồng một cảnh giới đó chứ không phải hai; nhưng chúng ta trái với chánh mà gây hoặc tạo nghiệp, thì phải chịu khổ quả vô cùng vô tận; còn thuận theo chánh-lý, thì được quả vui vô lượng vô biên. Cho nên biết xưa nay các Đức Phật với chúng sanh cũng vẫn đồng một tâm tánh như nhau; mà Phật thì chứng được quả tự tại giải-thoát, thường an trú ở trong cảnh giới thường lạc, ngã, tịnh, là vì Phật thuận theo chánh-lý mà nhận rõ các pháp, đều là vô-thường, khổ, không, vô ngã, mà tu-nhơn. Còn chúng sanh thì bị khổ quả vô-minh ràng buộc; nên thường an trú ở trong cảnh giới sanh trái với chánh-lý mà nhận lầm các pháp, là thường, là vui, là có, là ngã, gây hoặc tạo nghiệp.

Nay chúng ta muốn đạt đến chỗ kết-quả như các đức Phật, mà há lại không theo con đường các Đức Phật đã đi mà làm chỗ tu-nhơn của mình hay sao? Nhưng chúng ta muốn đi con đường ấy, thì trước hết phải diệt-trừ cái ngu đần gốc hoặc nghiệp tập khí vô thì đến nay, mà muốn diệt-trừ cái nguồn gốc ấy, thì chúng ta thường thường quan-sát các pháp, đều y tha khi như huyễn, đã là y tha khi như huyễn, thì đến là vô tự-tánh, thì tức là đương sanh mà vô sanh, đương thể mà tức là không; như bóng nặng, như chiêm bao, mây hát, chúng ta quan sát như vậy, tức nhiên rõ các pháp đều là như huyễn như hóa, rõ được như như vậy rồi thì có chi đáng gọi là tham cầu, có chi đáng gọi là vui, có chi đáng gọi là khổ, có chi đáng gọi là sống, có chi đáng gọi là chết, có chi đáng gọi

là già đầu ; tất nhiên khi ấy tâm của chúng ta không còn trước nhiều theo lục trần cảnh giới nữa, tâm của chúng ta đã không trước nhiệm theo lục trần cảnh-giới, tức là được thường thường thanh tịnh, tâm đã thường lặng thanh tịnh, thì quyết nhiên hoặc nghiệp mê làm tập-khí phải tiêu-trừ, mà những cái nguyên nhân ấy tiêu-trừ hết rồi ; thì lo gì bản thể chơn tâm thường trú của chúng ta không thực hiện, thì được thân làm viên dung tự tại vô ngại bất động đạo tràng, ở đâu một vi trần mà biến cả mười phương quốc-độ ; đến khi ấy mặc dầu mà ứng-lục ứng-chơn, hiện phàm, hiện thánh, đến đó mới gọi là chứng được, đến đó mới gọi là chứng được quả niết-bàn đồng như các Đức Phật.

Nói tóm lại xưa nay chúng ta cũng đủ có cái tâm-tánh làm Phật, nhưng vì chúng ta không chịu tu-nhơn làm Phật, nên phải làm chúng sinh mãi mà thôi, có khác nào như nhân loại ai cũng có tâm tánh biết chữ cả, nhưng có người không chịu học, nên phải làm một người dốt đó mà thôi. Chúng ta ai ai cũng tu-nhơn làm Phật như trên thì lo gì hoặc, nghiệp khổ, không biến đổi thành ra đại-thê, đại-dụng, hoặc vô-minh biến thành đại trí viên minh, nghiệp thì biến thành vạn hạnh vạn đức, khổ thì biến thành thường, lạc ngã, tịnh..

Cũng như ở giữa xã-hội, ai ai cũng đều học một thứ chữ, thì tất nhiên cũng đều biết một thứ chữ nhau cả ; nên ở giữa xã-hội nhân-loại ai ai cũng đồng tạo một cái nguyên nhân, thì tất nhiên cũng đồng một cái kết quả như nhau, tất cả nhân-loại được như vậy rồi ; đến khi ấy không đợi cầu thế-giới đại đồng, mà thế-giới đại đồng tự-nhiên thực-hiện, không đợi cầu nhân loại bình đẳng, mà nhân-loại bình-đẳng tự-nhiên thực hiện. Và lại cũng tức ở nơi thế-giới đại-đồng ấy, tự trở thành thế-giới cực-lạc, nhân-loại tự trở thành Phật-đạo ; đến đây mục-dịch thế-giới đại-đồng mới thực là hoàn-toàn viên-mãn.

Lê-chính-Tri

# Pháp

Chữ Pháp có những nghĩa như thế nào ?

法 pháp là lệ luật của quốc gia. Một nước đặt những Pháp luật ra là để mưu sự yên ổn, sự thịnh vượng chung cho cả đoàn thể, vì thế những lệ luật của quốc gia thì người ta bắt buộc phải theo : không theo sẽ phải chửi phạt ngay.

Chữ Pháp trong đạo Phật thì cũng nghĩa là lệ luật nhưng đây là những lệ luật của đức Thích-ca đã giảng giải để chúng sinh noi theo, hề ai cố noi theo được, thì lúc còn ở thế gian khỏi khổ não, mà lúc tịch diệt rồi thì được thoát khỏi luân hồi, lên cực lạc. Vậy thì Pháp trong tôn giáo cũng là để mưu sự sung sướng cho cả nhân vật trên đời, vừa mưu sự sung sướng trong tâm trí tức là về đường tinh thần.

Ta xem đây thì thấy rằng : một đoàn thể, một cá nhân vừa phải tuân theo pháp của quốc gia, vừa phải theo pháp của tôn giáo mới hoàn toàn, Pháp của tôn giáo là để bổ khuyết cho pháp của quốc gia, vì pháp của quốc gia chỉ trừng phạt được những tội lỗi hữu hình ; đến như pháp của tôn giáo thì có thể ngấm căn và trừng giới được những tội lỗi lúc chưa phát ra, cho đến những tội lỗi vô hình mà công pháp không thể trừng trị tới được.

Pháp của quốc gia thì tùy thời tùy cuộc đời mà thay đổi cho hợp lòng người, cho hợp ý muốn của dân ; đến như Pháp của tôn giáo thì lấy lẽ thiên ác báo ứng mà giảng giữ nhân tâm. Hầu hết tôn giáo đặt ra pháp đều nói là thế ý đức thượng thiên, hoặc nói chính thượng-đế đã phán ra những pháp ấy, cho nên pháp của tôn giáo là nhất định, mà đã sáng ra là phải đù người đời cứ phải tin theo, không được xuy sét, không được chiêm nghiệm, như vậy sao không có mê tín ở trong.

Duy đạo Phật thì khác hẳn, có sáng ra Pháp nhưng

đề người ta suy xét, chiêm nghiệm cho thấy lẽ chính đáng trong đời, cho hiểu suốt được hết thấy sự vật để biết đường cư xử cho trung chính

Kinh Kalamà sutta chép rằng : một hôm Đức Thích-ca đến thuyết pháp ở nước Kálama : các thân Vương nước ấy hỏi rằng :

« Tàu Thế-Tôn, những thầy Ba-la-môn đã qua đây, đều quả quyết tuyên lên rằng : đạo của họ là chính đáng, là xác thực ; trừ những giáo lý của họ ra, thì toàn là sai lầm, là lừa dối hết thảy ; Tàu Thế-Tôn, vì vậy mà chúng tôi đây sinh ra hồ nghi, không biết theo đạo giáo nào ».

Phật đáp lại rằng : « sự vật ở đời thay đổi luôn, không có gì là nhất định, cho nên người ta phải hồ nghi ».

« Đến những phong tục có đã lâu đời mà nhiều nơi « tin theo, các ông chờ thấy thế mà đã vội tin. Việc « gì có rất nhiều người nói ra, các ông cũng đừng thấy « thế mà vội tin. Các hiền triết đời xưa, các ông cũng « đừng thấy thiên hạ tôn sùng mà đã vội tin. Ngay trong « tâm trí các ông có nghĩ ra điều gì, mà tưởng là thần « minh bảo cho, các ông cũng đừng vội cho là đích thực.

« Các ông có thụ giáo của Đạo-nhân nào, của sư- « chưởng nào thì cũng đừng vì lòng thờ thầy mà đã vội tin.

« Vậy phạm sự gì mà chính các ông đã suy xét kỹ « rồi, đã chiêm nghiệm được rồi mà thấy là xác thực, « thấy là hợp với lẽ phải, thấy vừa lợi ích cho các « ông, vừa lợi ích cho thiên hạ, thế thì các ông hãy « tin theo ».

Đấy là mấy lời đức Thích-ca đã đáp lại các Hoàng-thân xứ Kálama ; mấy lời ấy chính là thực tướng của Đạo Phật, vì đạo Phật chỉ tìm đường giản dị cho chúng sinh, biết suy xét, biết chiêm nghiệm, để hiểu thấu được hết thấy sự vật trong thế gian, nghĩa là Đạo

Phật cốt phá hết mê chấp trong tâm cho chúng sinh, để biết đường cư sử khỏi sai lầm; phá được hết mê chấp trong tâm, tức là làm cho giác ngộ; tâm có giác ngộ thì mới được yên vui.

Vậy thì Pháp là các đường lối mà Phật đã chỉ dẫn cho chúng sinh để suy xét và chiêm nghiệm hết thầy sự vật trong thế gian. Pháp đây cũng như các môn khoa học, triết lý học ngày nay, là cốt tìm cho kỳ thấy chân lý, thấy bản tính của muôn vạn sự vật, để cho người ta nhận rõ được thực tướng được rõ bản tính của sự vật, tự trong thân thể người ta cho đến hết cả vũ trụ ở ngoài; Đạo Phật sử dĩ nói minh tâm kiến tính 明心見性 là thế.

Nhưng chữ Pháp còn có nhiều nghĩa nữa, khó giải thích được rõ ràng; vậy xin kể đây một vài việc làm thí dụ cho dễ hiểu,

Như khi ta cần đốt một ngọn đèn, nếu ta dùng dầu lạc hay dầu vừng, thì phải có dầu, phải có người giồng cấy, phải có người ép lấy dầu vụn vụn, phải có bát hoặc đĩa đựng dầu, phải có bắc hút dầu, phải có lửa để đốt đèn mới thành được ngọn đèn, các sự vật cùng duyên có hợp lại mà thành ngọn đèn, ấy là Pháp; ngọn đèn ấy vốn hình tượng hết thầy duyên có và sự vật đã kết hợp lại mà sinh ra nó, cho nên cũng gọi là Pháp,

Đèn thắp bằng dầu hỏa, đèn thắp bằng đất lửa (acetylène) và đèn điện, mỗi ngọn đèn là hình tượng một Pháp bởi vì những sự vật duyên có hợp lại thành ra ngọn đèn đất, không giống mấy sự vật duyên có sinh ra đèn dầu hỏa hay là đèn điện vân vân,

Vậy thì Pháp nghĩa là hết thầy duyên có đã gần xa kết hợp lại mà sinh ra một sự gì hay là một vật gì; cũng vì sự ấy hay vật ấy là hình tượng các duyên có đã hợp lại mà sinh ra nó cho nên cũng là pháp.

Đạo Phật cho cả thế gian là duyên sinh, vì đã xét thấy rằng, sự, sự, vật, vật, hết thầy đều là bởi duyên có kết hợp lại mà sinh ra: như nhân vật, như nhật nguyệt tinh



tú, như cây cỏ núi sông, như sấm chớp, gió mưa, nghĩa là hết thấy các hình sắc mà thân thể ta cảm giác thấy, cho đến ngay các mối cảm giác trong thân thể (như mắt trông được tai nghe được vân vân) cũng đều là bởi duyên có hợp lại mà sinh ra, mà thành ra có, như thể đều là Pháp cả. Nhưng phạm sự sự, vật vật đã bởi duyên có kết hợp lại thành ra có, thì cũng lại bởi duyên có phá hoại thành ra không. Ví như ta xây đắp một tòa nhà, thì tự khởi công đào móng cho đến khi cất nóc, !ọp mái là thời kỳ tạo thành 成; khi nhà đã hoàn toàn, các công việc xây đắp đã xong, thì nhà ấy vào thời kỳ gọi là trụ 住; nhưng trụ chỉ được phút chốc rồi kế tiếp ngay đến thời kỳ壞 hoại tan; nghĩa là nhà làm xong thì liền cũ dần dần đi, vì nắng, vì mưa hủy hoại mỗi phút một li tí, vật liệu cứ theo thế hư hỏng dần dần cho đến tan nát hết lại thành ra không, như lúc chưa xây nên nhà ấy vậy.

Các duyên có hợp lại làm cho sự sự, vật vật dương có mà hoại tan dần dần thành ra không, ấy cũng là Pháp.

Bởi rằng hết thấy trong thế gian, to như tinh tú, bé như vi trần, đều là Pháp, vì đều bởi duyên có hợp lại mà thành ra, và đều phải biến đổi di dịch luôn luôn trong vòng thành, trụ, hoại, không, như đã giải trên này; cho nên hết thấy các hình sắc hoặc ta cảm xúc được như tinh tú, hoặc không cảm xúc được như vi trần, đều không phải là thực tướng, vì lẽ nó biến đổi luôn luôn, mỗi một giây phút một khác, cho nên tuy thực là có mà vốn là không, tuy rằng không mà vẫn là có; tựa như chiếu bóng trên màn ảnh (cinéma) mắt trông rõ thấy có mà thực là không, thế mà tuy là không có thực, nhưng cũng vẫn là có, vì là mắt có trông thấy được.

Pháp là biểu tượng hết thấy sự vật, hết thấy hình sắc trong thế gian; thế mà sự sự vật vật, hình hình, sắc sắc, dù không thực là có, mà cũng không thực là không, cho nên nói rằng: có Pháp cũng được; nói

rằng không có Pháp cũng được ; nhưng thực ra thì « chur Pháp, Không, Tướng, bất sinh, bất diệt, bất cấu bất tịnh bất tăng, bất giảm 諸法, 空, 相, 不生, 不滅不垢, 不淨不增不減 » nghĩa là : Pháp-tướng, Không-tướng và sắc tướng là ba điều vẫn nguyên có, không bao giờ mất được, không trong, không đục, không bớt đi, tức là Pháp vẫn có sẵn trong vũ trụ, trước Phật cũng đã có rồi, Phật chỉ tìm thấy đem chỉ bảo cho chúng sinh đến sau này thế gian tan hoại thành không thì Pháp cũng không mất, không thêm ra, mà cũng không bớt đi chút nào, không thực cũng không hư.

Tôi thiết tưởng nghĩa chữ Pháp trong Đạo Phật là như thế. Nếu ta hiểu rõ thế nào là Pháp, thì ta sẽ thấy rõ bản tính của sự vật là không thực có, chỉ là nhân duyên kết hợp thành ra có, có rồi lại tan đi thành ra không, như vậy sự sự vật vật, cho cả thân thể ta cùng toàn là ảo ảnh còn có chi nữa mà say đắm vật dục dề mất chân tâm, nhận rõ được Pháp, tức là tâm giác ngộ, là thoát khỏi luân hồi.

Nam mô A-di-Đà Phật

Chánh-án : Nguyễn-huy-Xương

(Bài này trích ở trú thích chữ Pháp trong bản dịch Kinh Kim-cương của Tác-giả, bản dịch ấy sẽ xuất bản sau này).

## MẮT THẦY TAI NGHE

(LƯU CHÚ CAO-MÊN)

Chúng tôi vừa sang tới thành phố Nam-vang. Kinh đô nước Cao-mên thời gặp ngay kỳ hội chợ. Hội chợ mở ở chùa vàng chùa bạc trong hoàng-thành, gọi cho đúng là ngày lễ sinh nhật Nhà vua, từ mồng 8. 11 ta. cho tới 20 một dịp may cho chúng tôi ở nơi xa mới đến, chúng tôi không muốn bỏ qua cơ hội tốt lành, nên ra bộ lễ xin giấy vào xem điện vua trước, rồi xem hội trợ sau, khi chúng tôi vào điện vua vừa gặp ngay giờ lễ chúc-thọ, có

tới một trăm các các quan văn vũ, có cả người Pháp nữa, các quan Cao-mên ông nào cũng mặc áo tây, quần đỏ hay quần xanh. Nhưng lại có cái vôi ở đằng sau vất ra đàng trước đất lên rổn, không có bài ngà và mũ cánh chuồn, năm nay vua 63 tuổi, nên lại có 63 vị Đại đức tằng vào tụng kinh chúc thọ, mỗi vị tằng đều có một chú tiểu đồng cầm cái quạt vả hình mừng dục, cán dài một thước tây, trong lòng quạt thêu cây hoa, hình tháp hình tượng bằng kim tuyền, của vị nào thời thêu pháp danh vị ấy. Ngoài lại có mảnh vải hoa bọc kín, khi các vị tằng vào tới điện, nhà vua xuống làm lễ, rồi mới lên ghế ngồi, các vị tằng đứng đọc một bài kinh cầu chúc độ, mười lăm phút, rồi dỡ ra đến các quan vào, xem đây tôi lại nhớ đến một đoạn kinh đời trước Đức Phật Thích ca còn làm vua, mà hay lấy đầu lấy các vị Sa-môn. Có một vị Đại-thần lấy làm bất tiện, cho là mất thể diện ông vua, tâu vua xin ngài bỏ cái lễ lấy Sa môn đi, sau nhà vua bắt các quan mỗi ông đem bán một cái đầu, cả đầu người và đầu súc vật, các đầu súc vật đều có người mua, duy có cái đầu người mà ông Đại thần đó phải bán thì không ai mua cả đem về tâu giả nhà vua. Nhà vua phán bảo ông ấy rằng: thế người nên biết, Đầu người là một thứ hèn nhất vô dụng hơn hết cả mọi đầu súc-vật, đời nay ta được làm vua là do đời trước ta đã làm được nhiều việc công-dec, cũng đáng tam-bảo lễ lấy các vị sa môn, nay ta phải ơn mà ta cố giồng thêm cái nhân ấy nữa, nếu một mai cái thân thừc nó đã lìa thoát ra rồi, bay gặp cái trường hợp bất ngờ nào thời đầu ta đây có khác đâu cái đầu nhà người đem bán mà không ai mua đó, hầy giờ có muốn lễ lấy cũng không được nữa, vì thế nhà người không nên ngăn trở sự cầu đạo của ta. Đối với Phật pháp tằng, vua Cao-mên đã theo đúng trong kinh sách, cung điện của nhà vua thì giản dị không có nhiều các cung điện như của vua ta, nhưng các đồ bảo vật và ngọc châu báu thì hơn của vua ta nhiều, mà vào tới chỗ vua ngự cũng rể như vào

nhà một ông quan ở ta thôi chứ không có khó khăn, các quan biết tiếng Annam cất nghĩ cho tôi nghe, cũng chỉ nói cái này của Vua xưa, cái này của ông vua bây giờ mới tạo chứ không có những tiếng xưng hô văn vẻ kiêu tầu. Hoàng đế và Hoàng thượng như ở ta.

Chúng tôi xem điện vua song xuống xem nhà bảo. tầng người ta gọi là nhà kho của ông vua, trong ấy có nhiều đồ vàng ngọc, y phục đồ cổ của các đời vua, về phần tượng Phật và tháp Phật thì nhiều hơn. có một cây tháp vàng thuật nét trạm rất khéo để riêng một tú kính, để chữ cân nặng ba mươi ky-lô, trước điện vua còn có một cái nhà, giá ở ta thôi gọi là nhạc đình khưu vũ, hay bát dật, hay bài bông, và một cái thừa lương hội âm. quay mặt ra vườn hoa bờ sông, từ điện vua cho chí các sở phụ tòng, từ nét vẽ cho đến hình sây kiểu đắp nhất nhất cái gì cũng có biểu hiệu thờ Phật cả. xem song điện vua rồi, sang xem chùa vàng chùa bạc, hàng thành ngăn đôi một bên là điện vua, một bên là chùa có một ngôi chùa nhưng nhiều vàng bạc, chùa rất rộng, nhưng ngày thường không có các vị tăng ở, chỉ đề khi nào nhà vua có đại lễ, như băng hà hay dâng quang chưởng hạn, thời các sư trong nước về hành lễ thôi, pay chính là nơi bãi chí hội chợ, một cái thị trường như hội chợ Hanoi, cổ đủ kỹ nghệ hóa vật của người bản xứ và các nơi Đông-dương ngoại quốc mà chỉ bày trong một cảnh chùa, thời đủ biết chùa rộng rãi biết chừng nào. Chung quanh vuông bốn mặt mỗi mặt 50 gian hành lang, trước sân đối diện hai ngọn tháp coi rất cổ và đồ sộ nguy-nga, cách sây tháp lại thêm vẽ tỷ mỉ công-phu, ở giữa cửa chùa có một cái lộ đình si-măng, trong đề pho tượng một vị Cổ quân (vừa mới qua đời) cưỡi ngựa bằng đồng đen. to bằng tượng bốn-be Hanoi có cái dáng điệu can đảm hùng hổ, tôi thấy du khách chỉ chỗ bảo nhau, ông này ngày trước đáng vì thiên-tử lắm, chính giữa một

cái nền cao độ 6 thước Annam, chung quanh có chấn song sắt bốn mặt có cửa hươc lên, mặt nền đề lộ chừng 6 thước Annam trong là tường chùa. chùa làm theo hình chữ nhật thờ dọc, một mặt độ mười hai. một mặt độ 25 thước tây, chung quanh bốn mặt vữa tường bằng đá cẩm thạch. trong nền chùa lát bằng bạc, chính giữa có một cái ngọc lộ dát vàng cách chạm chồ coi rất kỳ công tuyệt hảo, trên thờ một pho tượng bằng ngọc ngời cao tám tấc Anuam, ba mặt mé dưới đều có tử kính, trong chùa rất nhiều các pho tượng các cây tháp các chén bát đỉnh hộp, mỗi cái một kiểu khác nhau cái nào cũng bằng vàng ngọc thất bảo cả, mé sau tượng ngọc, lại có một pho tượng Phật Thích-Ca đứng cao bằng người ta tạc bằng đá trắng coi rất tinh, thần. xung quanh có những tấm gương to phản chiếu nom vào thêm vẻ trang nghiêm lộng lẫy, trên treo các thứ đèn chùm pha lê trong cái bằng điện, mỗi cái ba mươi sáu ngọn hào quang, bốn mặt tường mé trên vẽ các tượng thiên thần kỳ kỳ quái-quái mé dưới mô tả quỷ sứ diêm la. Thật là :

*Thiên đường địa ngục không xa*

*Cách nhau một điềm tám ta giữ lành.*

Chúng tôi xem sét ở đây rồi, nhớ lại mấy hôm trước ở Huế xem cung điện lăng tẩm những cây vàng lá ngọc của vua ta, đem so sánh với các đồ bảo vật ở đây thờ của ta vẫn là kém, mà chúng tôi lại càng tin trong kinh Di-đà tả cái cảnh giới Cực-lạc là thực, nhân dịp chúng tôi ở bên này, chúng tôi còn ao ước một ngày tới Đế thiêc Đế thích, là một nơi kỳ quan danh thắng các nhà Du-lich ngoại quốc cũng phải công nhận, bấy giờ chúng tôi sẽ tường thuật rõ ràng, để các độc giả nhàn-lãm.

THÁI-HÒA

Viết ở Phnom penh

**QUÍ TÍNH PHƯƠNG DANH CÁC VỊ**  
**CÔNG ĐỨC ĐÃ CỨNG VÀO VIỆC LÀM CHÙA**  
**TRUNG . ƯƠNG**

M. Bùi phú Điền, Chánh đội-trưởng Bách lộc	
Sơn tây	0\$50
M. Bùi gia Trung, Phó Hội Bách lộc Sơn tây	0.50
M. Nguyễn đình Nghi, Bách lộc Sơn tây	0.50
Các bà: Nguyễn thị Sơn, Kiều thị Hy, Nguyễn	
hữu Cúc, xã Bách lộc Sơn tây	0.25
M. Nguyễn duy Dị, xã Bách lộc, Sơn tây	1.00
Mme Nguyễn thị Dị, xã Bách lộc. Sơn tây	0.50
Mme Đoàn thị Lợi, Bảo lộc Sơn tây	1.00
M. Nguyễn hữu Quả, Đại lý Hội Phật giáo	
Bảo lộc Sơn tây	1.00
M. Nguyễn văn Toát bá-hộ Bảo lộc Sơn tây	1.00
M.M. Nguyễn hữu Trinh, Nguyễn hữu Quĩ,	
Bảo-lộc Sơn tây	0.30
M. Đoàn văn Thuyết, Lý trưởng Bảo lộc Sơn tây	1.00
Mme Nguyễn thị Tịch, M Đoàn văn Kính, Bảo lộc	
Sơn tây	0.60
M. Đoàn đức Chất, Bảo lộc Sơn tây	1.00
M.M. Trần văn Lanb, và Đoàn phúc Hoa, xã	
Bách lộc, Sơn tây	0.30
Mme Đoàn thị Chúc, xã Bảo lộc Sơn tây	1.00
M. Đoàn văn Phùng, xã Bảo lộc; Sơn tây	0.40
M. Nguyễn đỗ Mạo. Chánh hội Bảo lộc, Sơn tây	0.50
Mme Ngô thị Tào, M. Đỗ văn Sâm, Bảo lộc, Sơn tây	1.10
M. Đoàn phúc Tiêm, Kiều thị Hảo Bảo lộc Sơn tây	2.00
M Nguyễn hữu Bang, Bảo lộc, Sơn tây	0.20
M. Nguyễn văn Xương, xã Vông nột, Sơn tây	0.50
Mme Khuất thị Đàng xã Phú trạch, Sơn-tây	1.00
M. Lê văn vĩnh, Chánh hội Phú trạch, Sơn tây	0.50
Sư cụ Đàm-Nam chùa Mai trai. Sơn tây	2.00
Sư cụ Thầy Đàm xuân, chùa Thuần nghị, Sơn tây	0.50

(còn nữa)

Nguyên trước kia giòng Mặt-lợi-da ở nước Ca-thấp di-la phá hủy Phật pháp, tăng đồ tan tác, có một thầy bi-xu. ãa sang Ấn-độ đem sự phá hủy Phật pháp tuyên bố ra. vua Tuyết-sơn nước Đê-hóa-la nghe tin, dận thay giống hèn, hủy diệt Phật pháp, mới cải trang làm lái buôn, xuất ba ngàn đống sỉ, đem nhiều của báu, nói dối là đem dâng vua Ngật-lợi.

Vua Ngật-lợi vốn là kẻ tham, nghe nói sướng lắm, sai sứ ra đón. Vua Tuyết-sơn nguyên là một bậc sức lực hùng mãnh, oai võ như thần. Vào trong triều đường, chặt mũi ra quát một tiếng lớn, vua Ngật-lợi sợ mất vía, té nhào xuống đất, vua Tuyết-sơn chém lấy đầu rơ lên và nói :

Ta đây là vua Tuyết-sơn, thấy chúng bay phá hủy Phật pháp cho nên lại phạt tội đây, nhưng xét ra tội ở một người này, không phải tại chúng bay, vậy ta truyền cho chúng bay cứ yên tâm.

Nói rồi chuy vấn kẻ nào sui vua Ngật-lợi làm bậy thì đuổi đi hết, ngoài ra đều xá cả.

Vua Tuyết-sơn trừ sạch lũ xấu xa rồi, liền cho làm chùa, chiêu tập tăng-đồ cúng dàng rồi về, Thầy Bi-xu sang Ấn-độ trước nghe tin trong nước bình định rồi mới sắm sửa ra về, giữa đường gặp một đàn voi gầm hét đi lại, thầy Bi-xu vội vàng leo lên cây núp, đàn voi lấy vòi múc nước rót vào gốc cây rồi xúm vào nhổ cây, cây đổ nhào xuống, một con voi lớn, lấy vòi cuốn thầy Bi-xu đề lên trên lưng đi đến giữa rừng, thấy một con voi bị thương rầm kêu, con voi lớn đề thầy bi-xu xuống và ra hiệu cho thầy biết chỗ bị thương. Thầy Bi-xu sờ vào chỗ sưng thấy nó bị một cái gai tre đâm vào, mới nhổ gai cho, nẫu hết mủ máu, sé số ra buộc lại, con voi liền bớt đau ngay.

Ngày mai đàn voi đi tìm hoa quả về cúng thầy Bi-xu. Thầy ăn xong, lại thấy một con voi đem cái hòm

vàng đưa cho thầy Bí-xu. Thầy nhận rồi, dân voi lại đề thầy lên lưng đưa đến chỗ cũ rồi quý lấy mà đi.

Thầy Bí-xu mở xem té ra là răng Phật, mới đem về cúng dâng.

Gần đây vua Giới-nhật nghe nói nước Thấp-ca đi-la có răng Phật, thân chinh đến nơi xin vào lễ xem.

Các sư sợ mất đem dấu biệt đi. Nhưng vua Thấp-ca sợ mất lòng vua Giới-nhật, bắt tìm cho được đem trình vua Giới-nhật, vua Giới-nhật trông thấy, lấy làm kính trọng lắm, liền đem về cúng dâng, tức là cái răng ấy vậy.

Khi tan hội rồi, vua đem tượng, áo và tiền cúng cả vào chùa, giao sư coi giữ. Pháp-sư từ tạ các vị Đại-đức ở chùa Lạc-đà, thu xếp kinh tượng đâu đấy, đến ngày thứ mười chín vào cáo từ vua xin về.

Vua nói: Đệ-tử nối dõi nối dõi nhà tôn miếu, làm chúa cả thiên-hạ, hơn ba mươi năm trời này, thường lo phúc đức không được giầy thêm, pháp nhân không được tiếp thêm, cho nên tích tiền của định lập một hội-tràng lớn ở giữa khoảng hai con sông nước Bát-la gia-già, năm năm một lần, thỉnh cả các vị Sa-môn bà la-môn và tụ tập hết cả các kẻ bần cùng cô độc, làm một tiệc vô-già đại-thí 75 ngày. từ trước đến nay đã hội năm lần, hội này là lần thứ sáu, sao pháp-sư không lưu lại mà tùy hỉ cho một chút.

Pháp sư nói: Cái hạnh bồ-tái, tu cả phúc tuệ, người khôn được nhờ quả, nhớ lúc trồng cây, vua còn không tiếc của cải, Huyền-trang tôi đâu dám từ xin đình lại theo hầu vua đi, vua mừng lắm.

Đến ngày 21 thì khởi hành sang nước Bát-la gia-già, tới hội đại thí, phía bắc có sông Căng-già, phía nam có sông Mâu-na. đều phát nguyên từ phía tây bắc chảy xuôi về phía tây. có một cái bãi lớn, chu vi mười bốn mươi lăm dặm, bằng phẳng như gương.



Ngày xưa các vua cũng đều tổi đó mà làm lễ bỏ-thí vì thế mới gọi là Thí tràng vậy. Tương truyền rằng nếu đến đây bỏ thí một đồng hơn bỏ thí chỗ khác trăm ngàn đồng, vì thế nên xưa nay đều cùng theo nhau, cứ đưa đến đây mà bỏ thí.

Xung quanh cấm lau làm hàng rào, cách xa nhau đến ngàn bước, ở giữa làm hơn 30 gian nhà cỏ để các vật báu như vàng bạc, châu báu, ngọc đỏ ngọc xanh v. v. hai bên lại làm những giầy nhà giải hàng ba bốn trăm gian để các thứ áo và tiền bạc. Ngoài bờ rào lại làm riêng một sở làm cơm, trước kho của báu, lại làm hơn trăm giầy nhà giải y như phố, mỗi một giầy ngồi được hơn ngàn người. Trước khi mở hội, vua đã ban sắc cho các bực Sa-môn ngoại-đạo cho chỉ các kẻ bần cùng cô độc trong năm xứ ấy độ đều đến cả Thí tràng mà lĩnh của bỏ thí, có người đến dự hội ở thành Khúc nữ, không về quê nữa, cũng đi luôn sang cả Thí tràng. Các vị vua 18 nước cũng theo vua Giới nhật đi, khi đến Thí tràng thì tăng tục đều đến họp, có tới hơn năm mươi vạn người

Vua Giới nhật đóng dinh ở phía bắc sông Căng-già, phía nam thì vua Đổ-lỗ-bà bạt-tra đóng dinh ở chỗ hai sông giao nhau, phía tây thì vua Cưu-ma-la đóng dinh ở bên rừng cạnh bờ sông Mâu na, những người đến lĩnh đồ bỏ thí ở cả phía Tây cũng va Bạt tra.

Sáng ngày vua Giới-nhật cùng vua Cưu ma la thì đi thuyền. vua Bạt tra thì đi voi chình tề nghi vệ, họp cả thí tràng, các vua mười tám nước cũng lần lượt đến dự. Ngày thứ nhất vào trong nhà cỏ, cúng Phật các vật châu báu áo báu và các đồ châu tu mỹ vị, khua nhạc tán hoa. đến tối mới về dinh; Ngày thứ hai bày tượng nhật thiên, cúng đồ quý và áo bằng nửa ngày hôm thứ nhất; Ngày thứ ba bày tượng vị Tự tại thiên cúng như hôm thứ hai; Ngày thứ tư cúng chư tăng hơn một vạn

vị những vị đại đức đều cùng một trăm đồng vàng một hòn ngọc châu một bộ áo vải nhỏ và các đồ ăn uống hương hoa; cùng dâng xong trở ra. Lần thứ năm, thì các thầy bà-la-môn, hơn 20 ngày mới khắp; Lần thứ sáu thì các ngoại đạo, mười ngày mới khắp; Lần thứ bảy thì cho các người ở xa đến mười ngày mới khắp; Lần thứ tám thì cho những kẻ bán cùng có độc, một tháng mới khắp, đến lúc xong hội thì bao nhiêu của cải kho tàng tích trong năm năm đều hết sạch, chỉ để lại binh tượng binh mã để đánh giặc giặc giữ gìn dân tôn miếu còn thì các đồ quý báu cho chi tấm áo mặc trong mình chuỗi hạt đeo nơi cổ, vòng xuyên đeo cổ tay, ngọc châu cài búi tóc đều bỏ thì hết, không để lại một tý gì cả; rồi bảo cô em đưa cho cái áo cũ để mặc, đoạn lễ mười phương Phật, nhảy nhót vui mừng chấp tay nói rằng :

Bấy nay con tích góp tiền của vẫn lo không để được vào trong cái kho vững bền nay được chứa vào trong ruộng phúc có thể gọi là được cái kho vững bền rồi con xin nguyện đời đời thường được bố thí cả tài lẫn pháp cho chúng sinh; về thành mười món tự-tại, viên mãn thứ trang-nghiêm.

Tan hội, các vua lại đem tiền chuộc các đồ ăn mặc của vua về dâng cho vua. Trong hai ba hôm, vua lại đủ đồ mặc đồ trang sức như trước. Pháp-sư cáo từ xin về

Vua nói : Đệ-tử muốn cùng Pháp-sư cùng tuyên dương phép Phật, sao Pháp-sư cứ vội về thế

Cứ lưu luyến như thế đến hơn mười ngày, vua Cưu-ma-la cũng ân cần như thế và bảo Pháp-sư rằng : Nếu Pháp-sư ba cố ở trong nước đệ-tử thụ lễ cùng dâng cho, đệ-tử xin làm cùng Pháp-sư một trăm ngôi chùa. Pháp-sư thấy các vua cố ý lưu luyến mới thiết tha nói rằng :

於七山中，居止雪山，我已降魔，及其眷屬，而不能伏，無常之力。我能降魔，猶如山巖，如是猛象，化爲弟子，及其眷屬，我皆降伏，而不能伏，無常之力。

我於諸論師，及與諸外道，以正法共論，皆悉不如我。異趣諸眾生，化令爲子弟，而不能降伏，無常之大力。我見貪欲縛，瞋恚及愚癡，如是愚冥法，皆已得除滅，然大智慧燈，照於三千界，而不能降伏，無常之大力。降伏天魔王，及與諸兵眾，壞於大盲冥，照以正法光，亦降諸論師，及諸占相者，而不能降伏，無常之大力。爾時尊者阿難前白佛言，善哉世尊，善能分別解說。

此法，當何名此經，云何奉持之？佛言：此經名爲除諸憂惱，汝應受持。一名會諸佛前，亦名如來所說示現眾生，應當受持。佛告阿難，於後世中，有善男子善女人，受持如來所說示現眾生經者，於七生中，自識宿命，毒不能害，火不能燒，水不能漂，不墮地獄餓鬼畜生，入難之處。捨此身已，生彌勒前，得在彌勒第一會中。佛說此經已，阿難及諸大眾，天龍夜叉乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽人，非人等，聞佛所說，歡喜奉行。

佛說須摩提長者經。

癸卯歲高麗國大藏都監奉敕彫造

## PHẬT THUYẾT TU-MA-ĐỀ TRƯỞNG-GIÁ KINH

### HÁN

Vì vô thượng đạo,  
Ngã hành khổ hạnh,  
Ngã phá ma vương,  
Đắc thành Phật đạo,  
Ngã truyền pháp luân,  
Ngã giữ hàng ma,  
Ư thất sơn trung,  
Ngã giữ hàng ma,  
Nhi bất năng phục,  
Ngã năng hàng ma,  
Như thị mãnh tượng,  
Cập kỳ quyển thuộc,  
Nhi bất năng phục,  
Ngã ư chư luận sư,  
Gi chính pháp cộng luận,  
Dị thú chư chúng-sinh,  
Nhi Lất năng hàng phục,  
Ngã kiến tham dục phục,  
Như thị ngu minh pháp,  
Nhiều đại trí tuệ dăng,  
Nhi bất năng hàng phục,  
Hàng phục thiên ma vương  
Hoại ư đại manh minh.  
Diệt hàng chư luận sư.  
Nhi bất năng hàng phục,

Nhẫn chư khổ thống.  
Cửu tập nạn hành.  
Ư đạo tràng thụ.  
Vô chư cấu uế.  
Ư Lộc-giã viên.  
Sân khuê dạ xoa.  
Cư chỉ tuyết sơn.  
Cập kỳ quyển thuộc.  
Vô thường chi lực.  
Do như sơn nhâm.  
Hóa vi đệ tử,  
Ngã giai hàng phục.  
Vô thường chi lực.  
Cập giữ chư ngoại đạo.  
Giai tất bất như ngã.  
Hóa linh vi đệ tử.  
Vô thường chi đại lực.  
Sân khuê cập ngu si.  
Giai dĩ đắc trừ diệt.  
Chiếu ư tam thiên giới.  
Vô thường chi đại lực.  
Cập giữ chư binh chúng.  
Chiếu gi chính pháp quang  
Cập chư chiêm tượng giả.  
Vô thường chi đại lực.

### VIỆT

Vì đạo vô thượng,  
ta làm khổ hạnh,  
Ta phá ma vương,  
được thành đạo Phật,  
Ta quay pháp luân,  
Ta hàng phục ma,

nhịn đủ đau khổ,  
tập khổ-khán mãi,  
ở cây đạo tràng,  
sạch hết như nhớp.  
ở vườn lộc-giã,  
sân khuê dạ xoa,

trong bầu quả núi,  
 Ta hàng phục ma,  
 mà không phục nổi,  
 Ta tài trí ma,  
 voi giữ như thế,  
 cả đàn lũ nó,  
 mà không phục nổi.  
 Ta với các luận sư,  
 đem chính pháp ra bàn,  
 Các chúng sinh ngã khác,  
 mà không hàng phục nổi,  
 Ta thấy sự tham dục,  
 những phép ấy chớ buộc  
 Khêu đèn trí tuệ lớn,  
 mà không hàng phục nổi,  
 Hàng phục thiên ma vương  
 chiếu ánh sáng chính pháp  
 hàng phục các luận sư,  
 Mà không hàng phục nổi.

ở núi Tuyết sơn,  
 và giòng giới ma,  
 các sức vô thường,  
 cũng như ngọn núi,  
 hóa làm đệ tử,  
 ta đều hàng phục,  
 cái sức vô thường,  
 và các nhà ngoại đạo.  
 đều không bằng ta cả.  
 hóa làm đệ tử hết.  
 cái sức lớn vô thường,  
 dạn dũ và ngu si,  
 đều trừ sạch hết thầy.  
 soi tỏ tam thiên giới.  
 cái sức lớn vô thường.  
 cùng tất cả binh chủng.  
 phá tan mê mù lớn.  
 các nhà xem tướng nữa.  
 cái sức lớn vô thường.

Bấy giờ tôn giả A-nan tiến lại trước mặt Phật mà bạch Phật  
 rằng : Bạch đức thế-tôn ! ngài thực là tài lắm thay ! Ngài  
 đã tài hay phân biệt, giải thuyết rõ phép này rồi, vậy thi  
 kinh này nên đặt tên là kinh gì, mà phép phụng trì nên  
 thế nào ? Phật nói : Kinh này nên gọi là kinh « Trừ  
 các sự lo buồn » người nên cử thế mà phụng trì, lại  
 có một tên là « Hội cả ở trước cửa Phật », cũng gọi  
 là ; « Như lai đã nói thị hiện chúng sinh » thụ trì. Phật  
 bảo ngài A-nan rằng :

TRUYỆN  
LỘC-MAU PHU NHAN

(tiếp theo)

Phong lưu rất mực ai bì,  
Lộc-nương thắm thoát tới kỳ mang thai.  
Vua nhẽng tướng sinh giai hiển thảo,  
Đề nổi ngôi quốc bảo sau này.  
Ai hay thai nghén tới ngày,  
Nở ra một' bọc chứa đầy hoa sen.  
Bởi chú lực nam tiên nguyên rủa  
Nên đức vua ghét bỏ tức thì.  
Phán rằng mang quặng ngay đi,  
Giống nói súc vật chứa chi trong thành  
Nàng đương chức phu nhân quyền quý,  
Truất xuống hàng nội thị hầu nương.  
Đắng cay tủi nhục đủ đường,  
Nghĩ thân tôi tớ mà thương sót đời.  
Sau nhân buổi vua chơi nội uyển,  
Hội quần thần huấn luyện thể thao.  
Có tay lực sĩ tài cao  
Cất chân nhảy mứa nước ao sóng cồn.  
Dưới đáy hồ nổi luôn một bọc,  
Sắc hoa sen như ngọc sáng bừng.  
Đức vua nom thấy vui mừng,  
Sai người xướng vớt coi chừng xem sao ?  
Quan nội giám xuống ao nâng đỡ,  
Thực hoa sen rực rỡ ngạt ngào.  
Sanh vàng đỏ trắng lạ sao!!!  
Đủ năm trăm cánh cánh nào cũng tươi.

Mỗi cánh lại một người giai bé,

Mặt khời ngó ai về nên hình.

Bõ ràng vừa đẹp vừa sinh,

Nội-quan phủ phục tâu trình vua hay.

Rằng hoa nọ xưa nay chưa có.

Thực diễm giờ phù hộ nhà vua.

Vua nghe lòng những hồ đồ.

Hỏi rằng có phải hoa xưa của bà,

Lộc nương hoàng hậu sinh ra.

Sai đem vứt bỏ vì ta mất trần,

Vội truyền đón phu nhân ngự giá.

Rằng Trăm dây trót đã lỡ nhiều,

Bấy chầy ruộng bỏ người yên,

Sai đem con quặng ao bèo thắm thay

Lòng thành kính trăm nay hối quá

Nghĩa vợ chồng vàng đá thủy chung,

Nguyên phong phục chức chính cung.

Đoạn rồi vua mở tiệc mừng con giai,

Hạ chiếu chỉ tìm người tướng số.

Triệu vào cung xem rõ dữ lành.

Tâu rằng Thái tử linh anh,

Năm trăm lá số rành rành như nhau

Nếu Thái tử mai sau trị nước.

Thời muốn dân đều được thái-hòa

Nhược bằng thái tử xuất-gia.

Bờ-đề chứng quả vượt qua luân-hồi,

Vua Ha-nại nghe rồi mừng rỡ,

Kén năm trăm vú sữa đỡ dần.

(òn nĩa)

Thái-Hòa



Ngày xưa có một Thái-tử, mới lên bảy tuổi, đã vào núi tu đạo. Sau khi vào ở trong núi rồi, nội các việc ngoài, không còn có biết gì nữa. Khi vua mất rồi, tôi dân cùng nghĩ rằng thái-tử tu từ thuở bé, chắc là đạo đức cao thượng, tài năng hơn người nhiều lắm, mới vào đón Thái-tử về Triều, lên nối ngôi vua. Hôm Thái-tử mới về triều, tên bồi bếp-vua sửa soạn những món ăn cực kỳ ngon để làm tiệc mừng Thái-tử. Thái-tử ăn thấy ngon lạ, tưởng ngay rằng tên bồi bếp này có tài năng lắm, cho nên mới làm được những món ăn ngon như thế này. Vì thế, bất luận là cái gì, hễ cần dùng đến, là bía vào tìm anh bồi lấy. Dân nghe thấy thế, đều cười là Thái-tử ngốc.

### PHÊ BÌNH

Cổ ngữ nói rằng : « Một ngày đàng một sàng khôn » rằng : « Có học thì mới biết, có đi thời mới đến. » cho hay không có học cố nhiên là ngu, mà học không có hành, không thực nghiệm, chỉ vui đầu trong pho sách cổ, làm nó lệ cổ nhân, kết quả nói thì trên trời dưới biển chi chi cũng biết, mà làm sự thực hành, thì chẳng biết chi chi. Nhà nho chê là thực cổ bất hóa 食古不化 nhà triết học cho là học nhồi sọ là ăn bội thực, cũng không phải là lời quá đáng vậy. Ông Vương-dương-Minh nói rằng : « Biết mà không làm, không phải là biết, biết thế nào lại làm được như thế thế mới là biết thực » thực là một cái kim chỉ nam cho người tu học vậy.

Phái tu Tịnh-độ bên nhật bản, cứ thụ giới rồi thì phải vân-du khắp các chốn thành-thị thôn quê để khảo sát thế thái nhân tình, trong vòng năm bảy năm rồi, mới trở về hoàng Đạo. phép tu như thế cũng là một phép rất đúng với phương pháp của Phật tử vậy.

Xem câu chuyện Thái tử ngốc thì ai là không cười vỡ bụng, nhưng thử để ý xem xét đến sự thực-tế của các nhà tu học ngày nay, tưởng cũng có hàng compagnie Thái-tử ngốc vậy.

# MỘT THÁI-TỬ' NGỒC



Anh bếp làm được món ăn ngon thế này chắc cái gì anh  
ấy cũng tài hẳn ??

# THỜI SỰ

## TIN TRONG NƯỚC

*Một việc cải cách có ý nghĩa của  
Chi-Giảng Thư-Điền (Ninh-Bình)*

Hồi 12 giờ trưa ngày mồng bảy tháng giêng vừa rồi tại Chi-giảng Thư-điền có 4 vị trong giáo-hữu dâng thọ lục tuần. Muốn dứt bỏ cái tục phiên văn mừng nhau bằng lễ phẩm, các giáo-hữu của Chi Giảng này có nhất trí đến chùa Hưng-Long làm lễ cầu diên-thọ cho bốn vị hội-viên. Lễ cử hành rất dân dị mà tôn nghiêm. Sau khi ban Đạo-Sư tụng kinh xong ngót trăm giáo-hữu và thiện nam tín nữ nhất trí đứng nghiêm chỉnh xếp hàng trước cửa chùa, ngược trông lên Tam-Bảo làn khói hương bay tỏa mờ mờ lẫn những câu niệm Phật rì rầm theo tiếng mõ tiếng chuông có vẻ tôn nghiêm và huyền bí..., thấy đều tâm niệm Kỳ nguyện Phật Tổ phù hộ độ trì cho 4 vị hội viên dâng thọ và tất cả các giáo hữu sống lâu làm đạo. Một giờ triền lễ tất, các giáo hữu lui xuống nhà giảng nghe ông Nguyễn-tử-Vân đọc và giảng báo Đuốc-Tuệ. Xong, mọi người vui vẻ phát tâm bỏ tiền cúng vào việc Tăng học trên Trung-ương. Kể ít người nhiều, tất cả kiếm được 1\$62 và toàn thể thuận ủy cho ông Nguyễn tử Quán gửi ngân phiếu lên Trung ương thụ nhận. Mãi 5 giờ chiều các giáo hữu mới giải tán trong bầu không khí nồng nàn vui vẻ của ngày xuân.

*Thương Lang thuật.*

### *Thuế phụ-thu sẽ tăng*

Thuế bách-phần phụ thu ở Bắc-kỳ năm 1939 nay sẽ tăng. Nghĩa là cứ tính theo cái số thuế sưu của từng người mà thu thêm mỗi trăm phần là bao nhiêu nữa. Như năm ngoài (1938), mỗi phần trăm là 15%.

Hội đồng thành phố Hanoi đã đệ trình quan Thống-sứ bản dự án tăng thuế phụ thu ấy, nghe đầu quan Thống-sứ đã chuẩn y cho thêm 25% mỗi đồng bạc.

Vì thuế phụ thu này để chi tiêu việc địa phương nên tùy các địa-phương theo giá kinh tế trong hạt mình mà tăng nhiều ít. Nhưng trước khi đánh thuế này các tỉnh, các thành-phố đều phải gửi dự án về xin quan Thống-sứ chuẩn-y.

Hiện nay đã có một vài tỉnh gửi án về rồi, tỉnh Hà-đông nghe đầu tăng 25./ mỗi đồng bạc

*Cuộc tập trận ở vùng Thanh mọi  
Đông-mỏ về Lạng-sơn*

Đối với đảo biên thùy giáp Trung-quốc về đông-bắc nước ta, Thanh-mọi, Đông-mỏ là nơi then chốt về quân sự của Bắc-kỳ, nên Chính-phủ đã cho 6.000 quân, 1.500 lừa ngựa và nhiều chiến cụ tối tân đến tập trận ở đó. Có phái bộ binh-bị nước Xiêm sang xem. Cuộc tập-trận này khởi hành điểu khiển một phần quân sĩ ở Hanoi, chùa Thông, Bắc-ninh, Đáp-cầu v. v. kéo lên từ 1er Mars đến 7 Mars thì yên nghĩ để sẽ tập trận. - Phái bộ binh bị Xiêm xem tập trận xong sẽ thăm qua Vinh-bạ-long rồi đi thăm Cao-miêu, Ai-lao mới về nước.

*Lễ Xách-phong Hoàng Thái-tử Bảo-long tại Huế*

Ngày 7 Mars, tại Huế, Triều-đình cử hành lễ Xách-phong Hoàng-tử Bảo-long làm Đông-cung Hoàng Thái-tử. Các quan Thủ-hiến, Đại-biêu của Chính-phủ Bảo-bộ ở ba kỳ đều về dự lễ.

*Một Y-khoa Bác-sĩ Tàu xin vào làng Việt-nam*

Một người khách lai bố Tàu mẹ Việt, tên là Huỳnh Vĩnh-Thương, sinh ở Thủ đầu một, Nam-kỳ. Lớn lên về Tàu học lấy tên là Vương-chin-Chai, đã đỗ vài bằng cấp, rồi qua Pháp học đồ y-khoa Bác-sĩ. Nay về Nam kỳ, vì đối với luật xứ này, người Tàu là người ngoại quốc không được mở phòng khám bệnh. Vương đem giấy khai sinh ở Thủ đầu một trình tòa án xin nhận cho là người,

Việt nam. Tòa còn đợi xét xem dân làng ở Thủ-dầu-một khai thực hư thế nào. — Bấy người Việt nam, chả có lúc quý là gì. Theo cổ ngữ: • Thế hương mẫu quán, bất đắc chỉ vi ngoại nhân, nếu bà Thân của sừ Wang hay Huỳnh mà quả là người Việt-nam để ở Việt nam thì tưởng các Ngài hẹp gì mà không cho sừ ấy nhận dề thêm một đình-xuất.

## VIỆC THẾ-GIỚI

### *Cuộc nội loạn Tây ban-nha*

Cuộc nội-loạn của hai đảng binh-dân với Phát-xít chưa xong, Franco chiếm hầu hết nước, quân binh dân tuy còn giữ được Madrid, nhưng suy kém nhiều, Tổng-thống Azana đã từ chức. Thi tin ngày 6 Mars, Đại-tá Cassado của quân binh dân cho chính-phủ của Thủ-tướng Négrin hiện vẫn kháng chiến với Franco là làm hại nước, bèn nổi cuộc đảo chính để lập một Chính-phủ mới theo tinh cách độc đoan về quân sự. Chính-phủ này, ông Miaja làm Thủ-tướng, ông Cassado giữ bộ-phòng thủ-quốc gia. Họ phản đối với đảng cộng-sản, với ông Négrin và theo chương trình bảo vệ quốc-gia, người ta cho họ sẽ nghị hòa với Franco, việc nội-loạn Tây ban nha sắp kết liễu.

Ngờ đâu tin ngày 7 Mars, Đảng Cộng-sản đã nổi loạn ở Madrid, bên cộng-sản bên Chính-phủ mới cùng bắn nhau, cũng lại súng cối xay, cũng đào chiến-hào, cũng tàu bay ném bom. Người ta đoán là do ông Négrin làm đảo-chính để lập chính-phủ cộng-sản. Giết nhau một hồi rất dữ. Ngày 8 Mars có tin khắp nơi thuộc binh-dân như Murcie, Cuadalaraja, Almeria v. v. đều nổi loạn to, nhưng đến trưa hôm ấy thì đảng cộng-sản đều đầu hàng. Thế rồi đến ngày 9 Mars, lại có tin bọn cộng-sản lại nổi ầm lên xung đột với quân Chính-phủ, quân Chính-phủ lại cho tàu nã bom. Thấy thế quân Cộng-sản hăng lắm. Thủ-tướng Miaja đã phải triệu quân các nơi về cứu Chính-phủ mới, Ngoài thành Madrid, tướng

Francó được cơ hội tốt, sẽ nhứt bỏ cả trai cô vào dỏ một cách ung-dung không vấ vớ của lão ngu-ông tối sỏ. Thì có tia Franco sắp hạ tối-hậu thư cho Madrid. — Bình-dân, độc-tài, độc-đoán, cộng-sảu, không biết bên nào đã chắc đưa đồng bao Tây-ban-nha lên đài cực-lạc hiện thế, nhưng giết nhau đã quá lắm rồi, tưởng người ta cũng nên động tâm mà nín nhịn nhau cho đỡ chết nhân-dân. Nếu cứ bị người ngoài họ vì quyền lợi riêng họ hùa mãi vào mà cứ giết nhau hoài mãi thì thực đáng ân-hận.

### Việc Trung-Nhật

Trong cuộc Trung-Nhật chiến-tranh, vừa đây một việc làm nao-dộng hoàn-cầu là quân Nhật chiếm đảo Hải-nam ngày 10 Février. Một điều không ngờ là đảo hải-nam cách Lôi-châu, Quảng-đông có cái lạch bề nhỏ. Tàu các nước đông-tây đi lại đều phải qua lạch ấy. Đảo Hải-nam lại đứng trước cửa vịnh Bắc-kỳ của Pháp, đông đối với Phi-luật-tân của Mỹ, nam đối với Tân-gia-pha, bắc đối với Hương-cảng của Anh đều như đứng giữa như ngõ mà trông ra các đầu đường về tới Đảo ấy là cái then chốt rất quan hệ cho việc quân sự ở Thái-bình-dương, ai mà không biết và ai không biết đã lâu. Năm trước đây nghe như Anh đã giúp Tàu đặt cuộc phòng thủ đảo Hải-nam, Pháp với Nhật cũng có điều ước không cho Nhật xâm chiếm đảo ấy. Thế mà nay, quân Nhật bỗng ngang-nhiên kéo lên chiếm đảo Hải-nam dễ như bỡn tuy quân Tàu ở đấy có xung đột nhưng chẳng đủ gợn chân ngựa của quân Nhật. Bởi vậy ông Moutet cựu Tổng-trưởng thuộc địa Pháp đối với việc Nhật chiếm đảo Hải-nam, ông nói « Lấy đảo Hải-nam, sự thực không phải Nhật muốn thị-uy thêm với Tàu. Chính là trước nhất Nhật muốn-thị-uy với Đông-dương và Anh-cát-lì cùng các nơi căn cứ thủy-quân Anh Tân-gia-pha và Hương-cảng, thị-uy với Hoa-kỳ cùng đảo Phi-luật-tân, và thị-uy với Nam-dương quần đảo ».

## KINH MỚI IN LẠI THẬP ÂN KINH

Là một bản kinh Phật giấy người ta biết báo đáp công ơn cha mẹ, biết lo sao cho trọn đạo làm con nghĩa lý sâu sa, vấn chương đễ dàng, hay không thể nói xiết. Dưới đây phụ một bản Thuyền lâm bảo huấn chỉ bảo cho các gia đi chùa thế nào là phải phép, thế nào là trái phép, rất là tường tận. Trước bán mỗi quyển 0\$10 nay xin bán xuống mỗi quyển 3 xu, ai thỉnh cả trăm chỉ tính 2\$50 cho pháp âm chóng được tràn khắp xa gần vậy.

Ở xa xin gửi thêm 2 xu cước.

Thơ và mandat xin gửi cho :

**M. NGUYỄN HỮU KHA 73 Richaud - Hanoi**

### Phương danh quý cụ và quý ngài cúng tiền tậu ruộng

(tiếp theo)

Trụ trì chùa làng An-cổ Thụy-anh Thái bình	5\$00
Trụ trì chùa làng Trà-linh Đông quan Thái bình	5.00
Trụ trì chùa làng Lăng-lăng xuân trường Nam-định	60.00
Trụ trì chùa Từ-yên Nam-sương Hanram	100.00
Trụ trì chùa Cổ-lễ Trực-ninh Nam-định	10.00
Cụ Vũ thị Thông-hiệu riệu Đat phố cửa nam Hanoi	100.00

(còn nữa)

### TIN CÁC HỘI VIÊN QUÁ CỠ

Mme Nguyễn thị Giơ, ở 62 Phố Đức-lạc Hanoi, viên tịch ngày 17-2-39.

Mme Nguyễn thị Thái, chùa Liên, huyện Tùng-thiện, Sơn-tây, viên tịch ngày mồng 8 tháng 11 năm Mậu dần.

M. Trần đức Lộc, làng Văn-canh, Hoài đức, Hà-dông, viên tịch ngày 11-2-1939.

M. Phan khắc Cường Đại-biêu chi Hội Phật-giáo Phương-dé, Nam-định viên tịch ngày 13 tháng chạp năm Mậu dẩn.

# KÍNH CAO CÙNG CÁC QUÝ ĐỘC GIẢ ĐƯỢC-TUỆ

Số báo 104 này, đáng lẽ ra ngày 1er Mars vì đúng vào ngày lễ, nên Được-Tuệ cũng nghỉ một kỳ để cùng các Quý ngài cùng chúc mừng năm mới.

## HỢP THO

(Các vị đã trả tiền báo Được-Tuệ bằng Mandat)

M. M. Phạm văn Ngụy Gia đình (100-114)	1\$10
Hoàng Cát Quảng Ngãi (53-89)	1.50
Đỗ Lâm Tourane (66-110)	2.50
Nguyễn thành Trọng Rạch giá (76-106)	2.00
Nguyễn văn Thọ Trà vinh (76-106)	2.00
Đào thị Ngưu Bến tre (76-99)	1.50
Bùi văn Đán Hảiphong (76-99)	1.50
Vũ văn Mãi Hảiphong (76-99)	1.50
Nguyễn văn Cư Đồng mỗ (110-114)	0.80
Lưu Vĩnh Khánh Saigon (65-90)	1.50
Trần quang Minh Mỹ thọ (107-122)	1.00
Lê văn Tấn, Long xuyên (90-112)	1.50
Trịnh thị Tâm, Hàng kênh (76-99)	1.50
Phạm văn Tới Gia đình (100-122)	1.50
Nguyễn văn Ngộ Rạch giá (100-129)	2.00
Trần thiện Gia Rạch giá (100-122)	1.50
Hà xuân Ưông Huế (100-122)	1.50
Lê danh Tự Nam định (100-122)	1.50
Mme Phó Cửu Phú rho quan (100-152)	3.50
Ngô văn Kiềm Saigon (78-93)	1.50

## GIẤY NÓI

Số 836 : Cụ Chánh Hội-trưởng, Thái-bà-ấp

Số 832 : Nhà in Đ. T. chùa Quán-sứ, số 73 Richard Hanoi